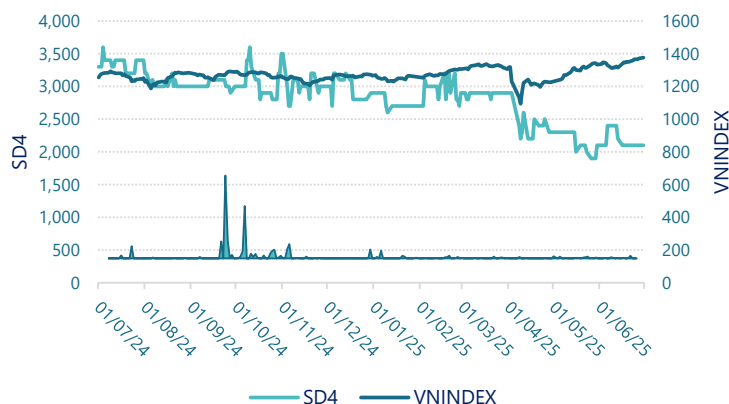


CTCP Sông Đà 4 (UPCOM: SD4)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	2,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,900
SL cổ phiếu LH	10,300,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,560
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	22
P/E	-1.5
EPS	-1,389

DT thuần

Q2/25

34.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.6 | 65.6%

YoY: ▲ 8.10 | 30.8%

LN sau thuế

Q2/25

-0.09

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.96 | 97.8%

YoY: ▲ 17.3 | 99.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

11.1%

+/- YoY: ▲ 43.7%

DT thuần

6T 2025

55.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼12.1 | -18.1%

LN sau thuế

6T 2025

-4.14

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 27.4 | 86.9%

ROE

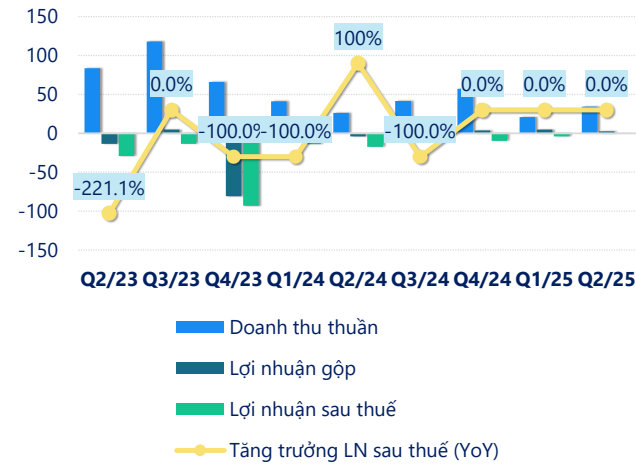
Q2/25

338%

+/- YoY: ▲ 529%

tỷ VNĐ

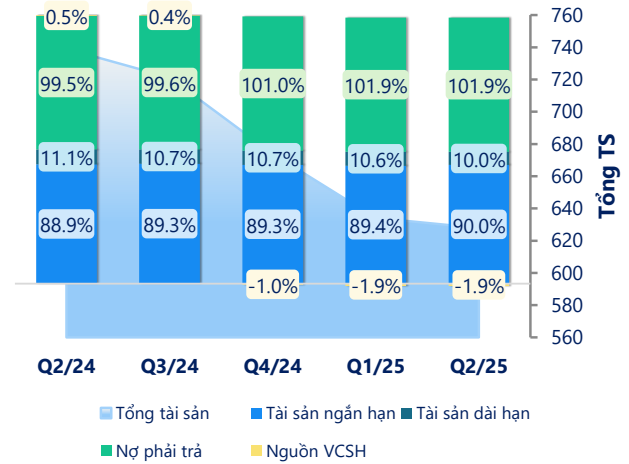
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

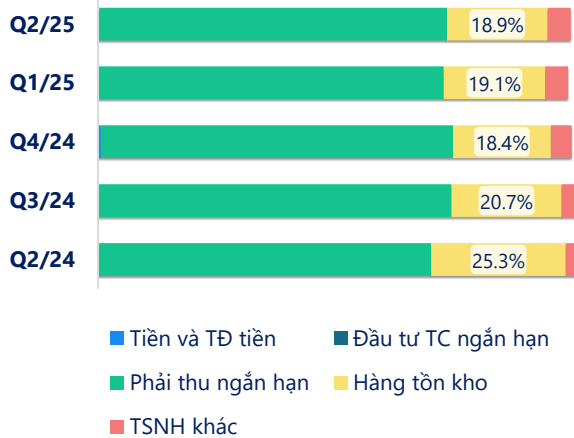
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



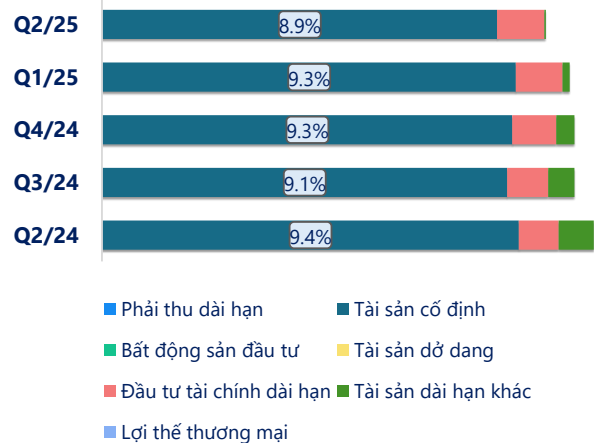
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

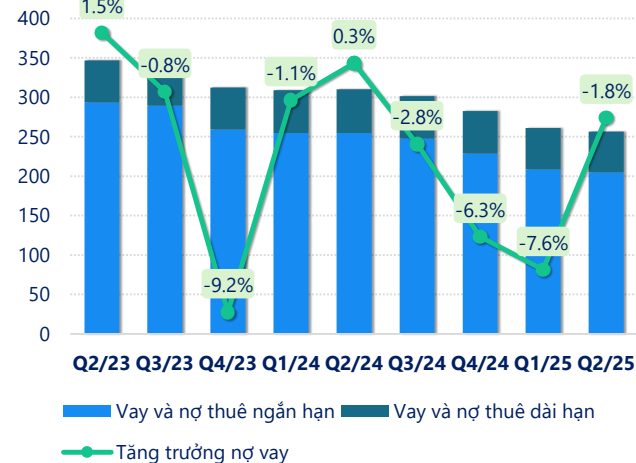
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

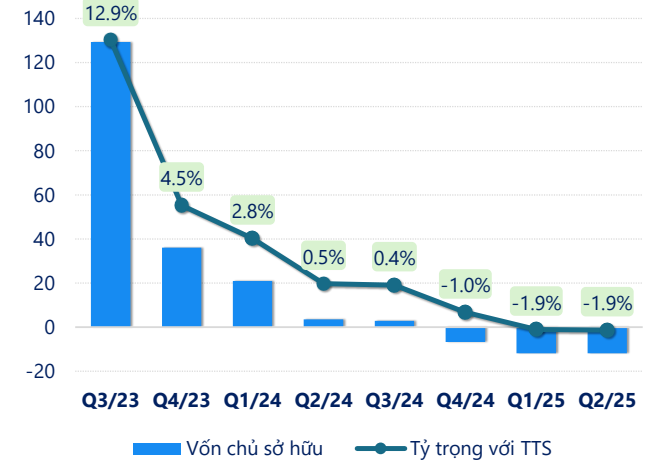
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

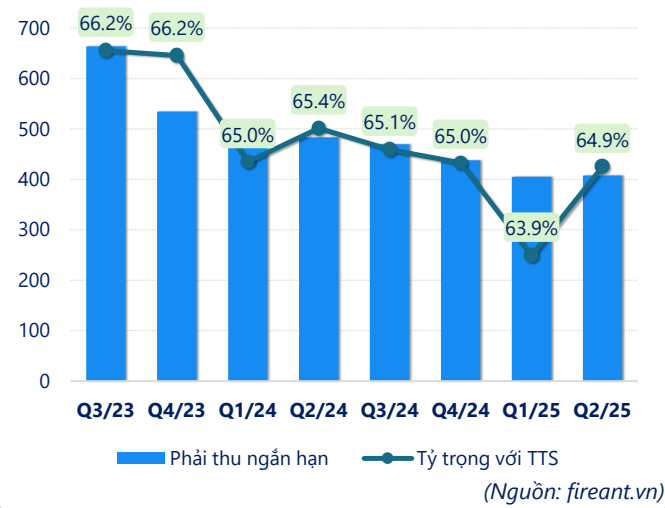
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

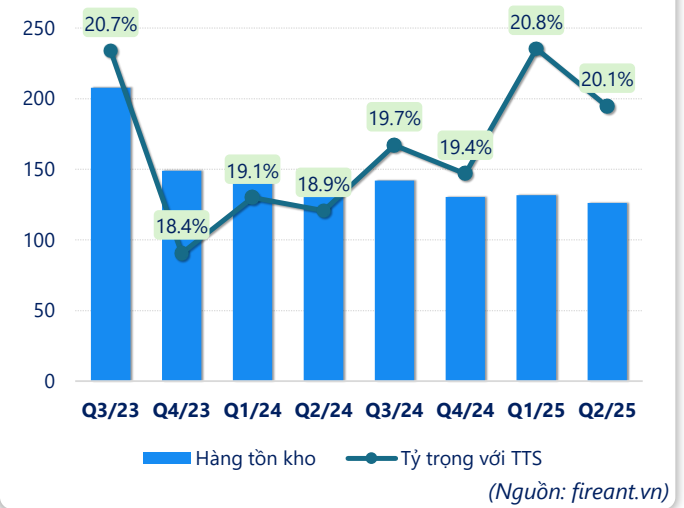


(Nguồn: fireant.vn)

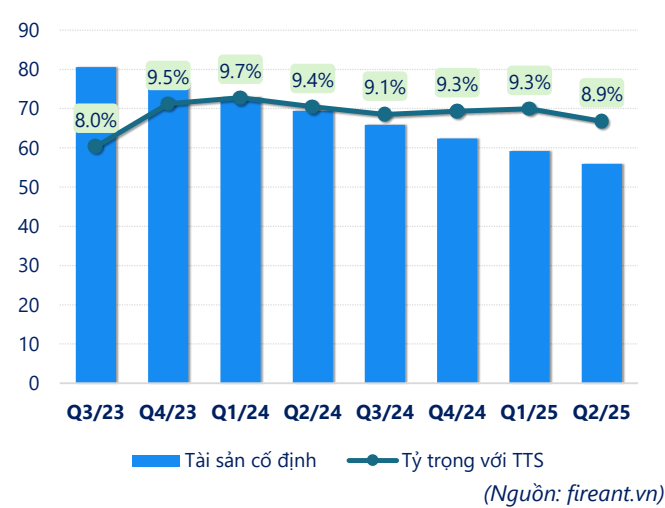
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


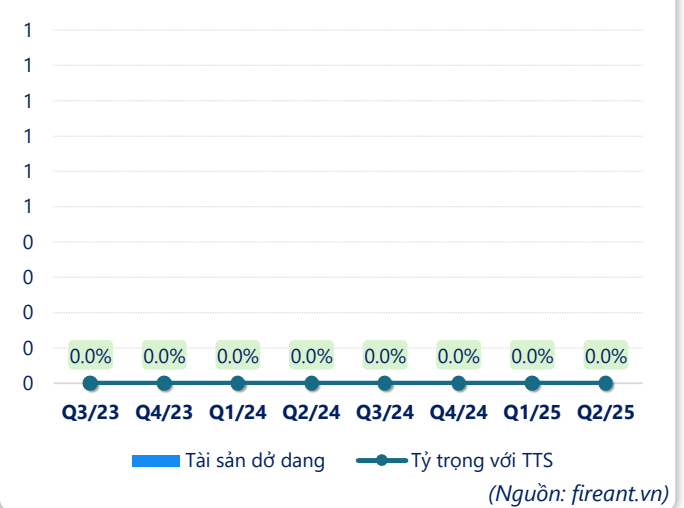
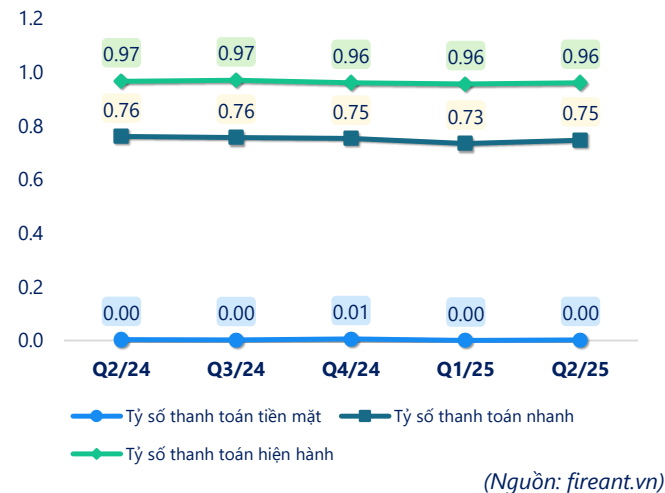
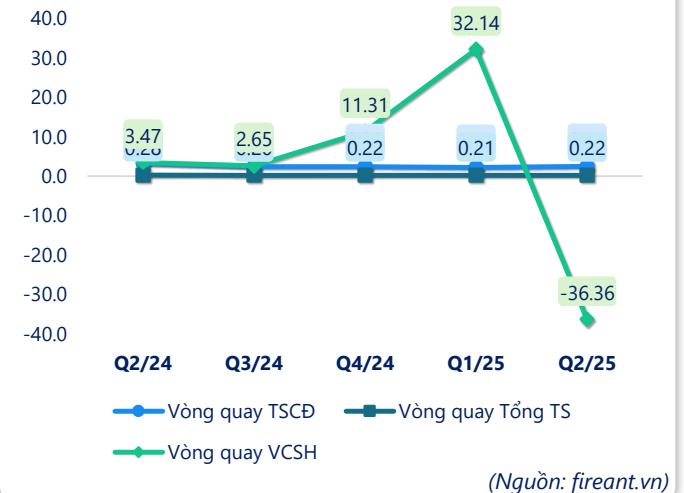
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	739	721	674	634	628
Tài sản ngắn hạn	657	644	602	567	565
Tiền và tương đương tiền	1.89	1.55	3.72	0.13	1.54
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	483	470	438	405	408
Hàng tồn kho	140	142	130	132	126
Tài sản ngắn hạn khác	32.2	31.2	30.1	30.0	29.5
Tài sản dài hạn	82.0	76.9	71.8	66.9	62.9
Phải thu dài hạn	0.07	0.07	0.07	0.07	0.07
Tài sản cố định	69.4	65.9	62.3	59.2	55.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	6.68	6.68	6.68	6.68	6.68
Tài sản dài hạn khác	5.84	4.30	2.76	1.01	0.24
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	736	718	681	646	640
Nợ ngắn hạn	680	664	627	593	588
Vay và nợ thuê ngắn hạn	255	247	229	208	205
Phải trả người bán ngắn hạn	183	176	170	158	148
Nợ dài hạn	55.5	54.0	53.8	52.6	51.8
Vay và nợ thuê dài hạn	55.5	54.0	53.8	52.6	51.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	3.46	2.87	-6.70	-11.8	-11.9
Vốn chủ sở hữu	3.46	2.87	-6.70	-11.8	-11.9
Vốn điều lệ	103	103	103	103	103
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)